

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/DS-PT
Ngày: 28/3/2019
V/v tranh chấp Hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh
Ông Phạm Ngọc Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22 và 28 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: 1.1. Ông Trần Thanh L, sinh năm 1957

1. 2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1955

Cùng địa chỉ: Số A, tổ B, ấp C, xã D, huyện H, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trịnh Phi L, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ A, khóm B, thị trấn M, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 06/7/2018).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị L, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, ấp Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh Trịnh Phi L là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:*

Ngày 25/12/2017, ông L và bà C có cho ông Nguyễn Văn Đ vay số tiền 370.000.000 đồng, có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận miệng 2,5%/tháng, 03 tháng trả lãi 01 lần, mục đích vay tiền để ông Đ làm kinh tế trong gia đình, vay không thế chấp tài sản, thời hạn vay trong năm 2018 khi nào ông L, bà C sử dụng thì báo cho ông Đ biết. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay ông Đ không trả lãi lần nào và chưa trả vốn cho ông L, bà C.

Việc giao nhận tiền do bà C giao cho ông Đ trực tiếp nhận, không có bà L cũng như trong biên nhận không có chữ ký, ghi họ tên của bà L, nhưng khi vay ông Đ nói để sử dụng làm kinh tế trong gia đình như cải tạo vườn xoài. Do đó, ông L và bà C yêu cầu ông Đ, bà L liên đới trả số tiền vốn gốc 370.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 25/12/2017 đến ngày 25/10/2018 là 10 tháng, lãi suất 0,83%/tháng cụ thể:

Số tiền $370.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 10 tháng = 30.710.000đ$.

Tổng cộng vốn, lãi 400.710.000 đồng (vốn 370.000.000 đồng, lãi 30.710.000 đồng).

Đối với việc ông Đ cho rằng số tiền 370.000.000 đồng này xuất phát từ các khoản vay từ năm 2015 thì ông L, bà C không đồng ý, vì các lần vay trước đây ông L, bà C cho ông Đ vay đã thanh toán xong, không còn nợ và không có liên quan gì đến số tiền 370.000.000 đồng tranh chấp.

** Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Năm 2015 ông Đ có vay của ông L, bà C nhiều lần cụ thể:

- Ngày 05/3/2015 vay số tiền 200.000.000 đồng.
- Ngày 16/3/2015 vay số tiền 100.000.000 đồng.
- Ngày 31/3/2015 vay số tiền 130.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 lần vay số tiền 430.000.000 đồng có biên nhận do ông Đ viết và ký tên vay, lãi suất 2,5%/tháng, không thế chấp tài sản, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay để cho cháu ông Đ tên Nguyễn Thanh H làm ăn, chứ không phải sử dụng làm kinh tế gia đình như ông L, bà C trình bày và việc ông Đ cho anh H mượn tiền không có làm giấy tờ biên nhận. Sau khi vay ông Đ trả lãi tổng cộng 07 lần, không có làm giấy tờ, với số tiền 175.500.000 đồng, cụ thể:

- Lần 1: Số tiền 12.000.000 đồng (không nhớ thời gian).
- Lần 2: Số tiền 27.000.000 đồng (không nhớ thời gian).

- Lần 3: Số tiền 11.500.000 đồng ngày 23/7/2015.
- Lần 4: Số tiền 10.000.000 đồng ngày 06/9/2015.
- Lần 5: Số tiền 20.000.000 đồng ngày 01/11/2015.
- Lần 6: Số tiền 50.000.000 đồng ngày 25/12/2015.
- Lần 7: Số tiền 45.000.000 đồng ngày 27/12/2015.

Sau đó, ông Đ với ông L, bà C tính toán lại số tiền lãi phải trả cho ba khoản vay trên là 113.750.000 đồng nên lấy số tiền đã đóng 175.500.000 đồng - số tiền lãi phải đóng 113.750.000 đồng = 61.750.000 đồng. Hai bên thỏa thuận căn trừ 60.000.000 đồng vào tiền vốn 430.000.000 đồng (430.000.000 đồng - 60.000.000 đồng = 370.000.000 đồng), còn lại 1.750.000 đồng trừ tiền lãi cho tháng kế tiếp của khoản vay trên, việc thỏa thuận này không làm giấy tờ. Sau khi tính toán đến ngày 05/02/2016 ông Đ còn nợ ông L, bà C số tiền 370.000.000 đồng và ông Đ tiếp tục trả lãi đến ngày 05/02/2018 được số tiền 222.000.000 đồng không có làm giấy tờ và ngưng trả lãi, không có trả vốn nên ông L, bà C yêu cầu ông Đ viết biên nhận mới ngày 25/12/2017 nợ số tiền 370.000.000 đồng.

Ông Đ xác định ông còn nợ ông L, bà C số tiền vốn 370.000.000 đồng và đồng ý trả vốn cho ông L, bà C 370.000.000 đồng, lãi suất theo quy định. Tuy nhiên, ông Đ yêu cầu điều chỉnh lãi và căn trừ vào số tiền vốn vay còn nợ là 370.000.000 đồng như sau: Tiền lãi ông Đ trả là 2,5%/tháng (vượt quá quy định 1,6%) số tiền 335.750.000 đồng – lãi theo quy định 114.115.000 đồng = 221.595.000 đồng. Như vậy, số tiền vốn vay ông Đ còn nợ là 370.000.000 đồng – 221.595.000 đồng = 148.405.000 đồng, ông Đ đồng ý trả 148.405.000 đồng cho ông L, bà C. Ông Đ không yêu cầu bà L liên đới trả nợ cùng ông Đ, vì số tiền ông Đ vay của ông L, bà C không sử dụng làm kinh tế gia đình mà để cho anh H làm ăn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị L trình bày:*

Bà L không đồng ý liên đới cùng ông Đ trả nợ cho ông L, bà C, vì bà L không có vay tiền cũng như không biết việc ông Đ vay tiền của ông L, bà C. Ông Đ không nói cho bà Liễu biết việc ông vay tiền và ông Đ cũng không sử dụng tiền vay vào việc chi tiêu sinh hoạt trong gia đình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2018/DS-ST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố S đã quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim C.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim C số tiền vốn 370.000.000 đồng và tiền lãi 30.710.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 400.710.000 đồng.

Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Phan Thị L liên đới trả số tiền vốn, lãi 400.710.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn Đ nộp 20.028.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim C nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim C đã nộp 10.037.000 đồng theo biên lai số 0004663 ngày 09/7/2018 và biên lai số 0004982 ngày 31/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S được chuyển thành án phí, ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim C được nhận lại số tiền 9.737.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ngày 16/11/2018, ông Nguyễn Văn Đ kháng cáo không đồng ý trả cho ông L, bà C số tiền 370.000.000 đồng mà chỉ đồng ý trả số tiền 148.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn ông L, bà C ủy quyền cho anh L trình bày: Ông L, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông Đ trả cho ông L và bà C số tiền vốn 370.000.000đ và tiền lãi 30.710.000đ. Tổng cộng vốn, lãi là 400.710.000đ.

+ Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả cho ông L, bà C số tiền vốn vay 370.000.000 đồng và lãi. Ông chỉ đồng ý trả cho ông L, bà C số tiền vốn là 148.000.000 đồng sau khi đã trừ số tiền lãi đã đóng vượt mức lãi suất quy định vào số tiền vốn vay (370.000.000 đồng – 222.000.000 đồng = 148.000.000 đồng).

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì ông Đ không xuất trình được giấy tờ cũng như các căn cứ, chứng cứ chứng minh số tiền vay 370.000.000 đồng của biên nhận ngày 25/12/2017 xuất phát từ số tiền 430.000.000 đồng ông Đ đã vay của ông L, bà C từ năm 2015. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông Đ phải trả cho ông L, bà C 370.000.000 đồng tiền vốn và lãi suất 30.710.000 đồng, tổng cộng: 400.710.000 đồng là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Đ thừa nhận có vay của ông L, bà C số tiền 370.000.000 đồng theo biên nhận ngày 25/12/2017 âm lịch. Tuy nhiên, ông Đ cho rằng số tiền 370.000.000 đồng theo biên nhận ngày 25/12/2017 xuất phát từ số tiền 430.000.000 đồng ông Đ vay của ông L, bà C nhiều lần từ năm 2015, sau khi vay ông Đ trả lãi đầy đủ với số tiền 335.750.000 đồng, trả vốn 60.000.000 đồng, còn nợ 370.000.000 đồng nên ông Đ viết biên nhận mới ngày 25/12/2017 âm lịch. Để chứng minh khoản tiền này xuất phát từ khoản vay năm 2015, ông Đ xuất trình chứng cứ là giấy viết tay ghi nội dung khoản vay 430.000.000 đồng, trả vốn, trả lãi, chốt lại còn nợ 370.000.000 đồng đến ngày 05/02/2016, do bà C đưa cho ông Đ giữ. Tuy nhiên, ông L, bà C không thừa nhận việc ông Đ cho rằng số tiền 370.000.000 đồng đang tranh chấp xuất phát từ khoản vay 430.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, anh L là đại diện theo ủy quyền của ông L, bà C thừa nhận tờ giấy ông Đ cung cấp cho Tòa án là do bà C viết thể hiện nội dung ông Đ vay tiền, trả tiền lãi cho bà C đối với các lần vay từ năm 2015, tổng số tiền vay 430.000.000 đồng, đã trả lãi 113.000.000 đồng, trả vốn 60.000.000 đồng, còn nợ 370.000.000 đồng. Nhưng số tiền lần vay này ông Đ đã thanh toán xong vào ngày 05/02/2016 nên ông Đ không còn nợ, còn số tiền 370.000.000 đồng vay ngày 25/12/2017 âm lịch, ông L, bà C đang yêu cầu ông Đ trả là khoản vay sau này, không liên quan đến các khoản vay trước đó.

Xét việc ông Đ cho rằng số tiền 370.000.000 đồng đang tranh chấp xuất phát từ khoản vay 430.000.000 đồng của năm 2015, theo tờ giấy tay ông Đ xuất trình ghi tính đến ngày 05/02/2016 ông Đ còn nợ 370.000.000 đồng, nhưng số tiền 370.000.000 đồng đang tranh chấp thì được ghi trong biên nhận ngày 25/12/2017. Như vậy về thời gian mà ông Đ xác định số nợ của các khoản vay trước vào ngày 05/02/2016 là cách nhau hơn 01 năm là không phù hợp. Ông Đ cũng không xuất trình được giấy tờ cũng như các chứng cứ khác chứng minh số tiền 370.000.000 đồng của giấy tính tiền ngày 05/02/2016 là số tiền 370.000.000 đồng của biên nhận ngày 25/12/2017.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ thừa nhận từ ngày 25/12/2017 ông Đ không đóng tiền lãi suất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim C số tiền vốn 370.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 25/12/2017 đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là 30.710.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 400.710.000 đồng là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu xem xét điều chỉnh tiền lãi suất của các khoản vay từ năm 2015 mà hai bên đã thực hiện xong, nhưng ông Đ cho rằng tiền lãi suất ông L, bà C nhận vượt mức lãi suất quy định của Ngân hàng Nhà nước (theo giấy tính tiền ông Đ xuất trình, được ông L, bà C thừa nhận) tại phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, yêu cầu này của ông Đ chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể giải quyết. Vì vậy, ông Đ được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[2] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm do ông Đ không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên chấp nhận.

Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2018/DS-ST ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố S.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim C về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ trả tiền vay.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim C về việc yêu cầu bà Phan Thị Liễu liên đới với ông Nguyễn Văn Đ trả tiền vay.

3. Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim C số tiền vốn 370.000.000 đồng và tiền lãi 30.710.000 đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 400.710.000 đồng (bốn trăm triệu bảy trăm mười ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

- + Ông Nguyễn Văn Đ nộp 20.028.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- + Ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim C nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí ông Trần Thanh L và bà Nguyễn Thị Kim C đã nộp 10.037.000 đồng theo biên lai số 0004663 ngày 09/7/2018 và biên lai số 0004982 ngày 31/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S được

chuyển thành án phí, ông Trần Thanh L, bà Nguyễn Thị Kim C được nhận lại số tiền 9.737.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số BH/2017/0003460 ngày 22/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- VP TA Tỉnh;
- TAND TP. S;
- Chi Cục THA DS TP. S;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA (H).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh